TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST
Ngày: 08/9/2022
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thanh Tuyền
2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2022/TLST-DS ngày 27/6/2022 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: **Ngân hàng TMCP Đ.**

Địa chỉ cũ: 25 T, phường P, quận H, thành phố H.

Địa chỉ hiện nay: Số 198, đường T2, phường L, quận H, thành phố H.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Lần. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT S

- Đại diện theo ủy quyền: Bà Lã Thị H. Chức vụ: Phó Giám Đốc Khối Xử lý nợ S.

Địa chỉ: C9-19 L, phường V, thành phố R, tỉnh K.

(Theo Giấy ủy quyền số 604/2021/UQ-S ngày 27/5/2021 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Đ)

- Đại diện ủy quyền của bà Lã Thị H: Ông **Lâm Trung T**. Chức vụ:

Chuyên viên xử lý nợ.

(Theo giấy ủy quyền số 9363A/2021/UQ-S ngày 22/6/2021)

*** <u>Bị đơn</u>**: 1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1966.

2. Ông **Mai Văn Th**, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện A, tỉnh K.

(Ông T có mặt; ông Th có mặt, bà T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Lâm Trung T trình bày:*

Ngày 29/6/2018, ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị T đã ký Hợp đồng tín dụng số: 509318/HĐTD-NH/CNKG với Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh K để vay số tiền: 90.000.000 đồng; Mục đích vay: sản xuất nông nghiệp; Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 29/6/2018 đến ngày 29/6/2019; Lãi suất cho vay 11,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Ngày trả lãi đầu tiên là ngày 25/12/2018, sau đó định kỳ 06 tháng trả lãi 01 lần vào ngày 25 của các kỳ hạn trả lãi. Lãi vay của kỳ hạn trả lãi cuối cùng được trả cùng ngày với ngày trả nợ gốc. Số tiền S đã giải ngân với ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị T đã nhận nợ: 90.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 29/6/2018.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 11.328m^2 thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 09-2016, đất tọa lạc ấp K, xã V, huyện A, tỉnh K theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 822824, vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS02810 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh K cấp ngày 08/4/2006;

Việc thế chấp đã được ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị T và S K ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 506516/HĐTD-NH/CNKD ngày 28/6/2016 tại Văn phòng công chứng N, tỉnh K (Số công chứng: 00001519, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD) để đảm bảo khoản vay cho ông Th, bà T. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên, ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị T đã trả cho S được số tiền 9.931.354 đồng.

Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho S. S đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Th, bà T trả nợ nhưng ông Th, bà T vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Từ ngày 29/6/2019 chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay của ông Th, bà T.

Th đến ngày 22/6/2021, ông Th và bà T còn nợ S số tiền nợ gốc 85.144.399 đồng; Nợ lãi trong hạn 5.274.247 đồng; Nợ lãi quá hạn 30.179.562

đồng. Tổng số tiền nợ là 120.598.208 đồng.

Nay Ngân hàng xác định yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số nợ Th đến hết ngày 22/6/2021 là 120.598.208 đồng (bao gồm nợ gốc 85.144.399 đồng, nợ lãi là 35.453.809 đồng).

- Buộc ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền lãi phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả tại Hợp đồng số: 509318/HĐTD-NH/CNKG ngày 29/6/2018, kể từ ngày 23/6/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm sau đây của khoản vay để thu hồi nợ cho S: là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 11.328m^2 thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 09-2016, đất tọa lạc ấp K, xã V, huyện A, tỉnh K theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 822824, vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS02810 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh K cấp ngày 08/4/2006;

** Theo biên bản ghi lời khai ngày 22/8/2022, bị đơn ông Mai Văn Th trình bày:*

Vào năm 2016 ông có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng TMCP Đ số tiền 90.000.000 đồng; mục đích để sản xuất nuôi tôm, trồng lúa; thời hạn 12 tháng trả xong; lãi 06 tháng đóng 01 lần. Sau đó đáo hạn ông tiếp tục vay tiếp. Ông đã trả vốn gốc và đóng lãi rất nhiều lần nhưng ông không nhớ, lần trả cuối cùng ông cũng không nhớ trả ngày tháng năm nào. Nay ông thừa nhận vợ chồng ông (Mai Văn Th, Nguyễn Thị T) có vay và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng cụ thể: Tiền vay gốc 85.144.399 đồng, nợ lãi là 35.453.809 đồng Th đến ngày 23/6/2021 và đồng ý trả lãi tiếp tục cho đến khi trả hết nợ. Nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn không khả năng trả 01 lần hẹn đến ngày 20/5/2023 trả đủ 01 lần.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt nhưng theo biên bản ghi lời khai ngày 23/8/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào khoảng năm 2016 vợ chồng bà có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng TMCP Đ số tiền 90.000.000 đồng; mục đích để sản xuất nuôi tôm, cua, trồng lúa; thời hạn 12 tháng trả xong; lãi 06 tháng đóng 01 lần. Sau khi đáo hạn thì vợ chồng bà tiếp tục vay tiếp. Vợ chồng bà đã đóng lãi, trả gốc đầy đủ. Đến khoảng hơn 02 năm nay do làm ăn thất bại nên không khả năng đóng lãi trả vốn cho Ngân hàng. Nay bà thừa nhận vợ chồng bà có vay

và còn thiếu Ngân hàng như Ngân hàng yêu cầu, vợ chồng bà đồng ý trả cho Ngân hàng tiền vay gốc 85.144.399 đồng, nợ lãi là 35.453.809 đồng Th đến ngày 23/6/2021 và đồng ý trả lãi tiếp tục cho đến khi trả hết nợ. Hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn không khả năng trả 01 lần hẹn đến ngày 20/5/2023 trả đủ 01 lần.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Lâm Trung T xác định: Yêu cầu ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số nợ Th đến ngày 08/9/2022 là 139.064.431 đồng (bao gồm nợ gốc 85.144.399 đồng, nợ lãi là 53.920.032 đồng), thực hiện trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật; Và thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền lãi phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả tại Hợp đồng số: 509318/HĐTD-NH/CNKG ngày 29/6/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm sau đây của khoản vay để thu hồi nợ cho S: là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 11.328m^2 thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 09-2016, đất tọa lạc ấp K, xã V, huyện A, tỉnh K theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 822824, vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS02810 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh K cấp ngày 08/4/2006;

- Bị đơn ông Mai Văn Th xác định sau khi đáo hạn vào năm 2018 ông và vợ ông có vay Ngân hàng TMCP Đ số tiền 90.000.000 đồng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng. Nay trước yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông và vợ ông bà T trả tổng số nợ Th đến ngày 08/9/2022 là 139.064.431 đồng (bao gồm nợ gốc 85.144.399 đồng, nợ lãi là 53.920.032 đồng), ông và vợ ông đồng ý nhưng xin Ngân hàng cho thời hạn đến ngày 20/5/2023 trả đủ một lần vì hiện tại vợ chồng ông hoàn cảnh khó khăn.

- Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn và bị đơn đã đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức T dụng năm 2010. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ buộc ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị T trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số nợ Th đến hết ngày 08/9/2022 là 139.064.431 đồng (bao gồm nợ gốc 85.144.399 đồng, nợ lãi là 53.920.032 đồng), thực hiện

trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật; Và thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền lãi phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả tại Hợp đồng số: 509318/HĐTD-NH/CNKG ngày 29/6/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm sau đây của khoản vay để thu hồi nợ cho S: là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 11.328m^2 thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 09-2016, đất tọa lạc ấp K, xã V, huyện A, tỉnh K theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 822824, vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS02810 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh K cấp ngày 08/4/2006;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn với các bị đơn thiết lập hợp đồng tín dụng vốn lãi trả theo kỳ. Sau khi vay các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay. Do đó, đây là tranh cấp dân sự và quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Các bị đơn ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị T cùng có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã V, huyện A, tỉnh K. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị T.

[2] Về nội dung:

*** Về nghĩa vụ trả nợ:**

Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng tín dụng số 509318/HĐTD-NH/CNKG ngày 29/6/2018 giữa ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị T với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên theo

thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên, ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị T đã trả cho Ngân hàng TMCP Đ được số tiền 9.931.354 đồng thì không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng. Từ ngày 29/6/2019 chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay của ông Th, bà T nên ông Th, bà T đã vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng T dụng đã ký với Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện ông Th, bà T phải trả 85.144.399 đồng tiền nợ gốc và các khoản tiền theo hợp đồng tín dụng số 509318/HĐTD-NH/CNKG ngày 29/6/2018 là thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Hơn nữa, bị đơn đã thừa nhận nghĩa vụ của mình theo hợp đồng tín dụng nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*** Về thời hạn thanh toán:**

Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả cho Ngân hàng một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả tại Hợp đồng số: 509318/HĐTD-NH/CNKG ngày 29/6/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Phía bị đơn ông Th yêu cầu Ngân hàng cho thời hạn đến ngày 20/5/2023 trả đủ một lần vì hiện tại vợ chồng ông hoàn cảnh khó khăn nhưng Ngân hàng không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…".* Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Th và bà T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi Th đến ngày 08/9/2022 là 139.064.431 đồng. Trong đó nợ gốc 85.144.399 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.274.247 đồng, nợ lãi quá hạn là 48.645.785 đồng, một lần khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả tại Hợp đồng số: 509318/HĐTD-NH/CNKG ngày 29/6/2018 cho đến khi thi hành án xong.

*** Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:**

Đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu: *"nếu ông Mai Văn Th, bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm sau đây của khoản vay để thu hồi nợ cho S: là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 11.328m^2 thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 09-2016, đất tọa lạc ấp K, xã V, huyện A, tỉnh K theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 822824, vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS02810 do Sở Tài Nguyên và Môi*

Trường tỉnh K cấp ngày 08/4/2006 để đảm bảo cho việc thu hồi nợ"

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 506516/HĐTC-NH/CNKG ký ngày 28 tháng 6 năm 2016 đã được Văn phòng công chứng N, tỉnh K chứng thực đúng theo quy định và không có đương sự nào có ý kiến đối với hợp đồng thế chấp này. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp của Ngân hàng là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

- Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, 95 Luật Tổ chức T dụng năm 2010;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ (S) số tiền 139.064.431 đồng *(làm tròn là 139.064.000 đồng)*. Trong đó nợ gốc 85.144.399 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.274.247 đồng, nợ lãi quá hạn là 48.645.785 đồng, Th đến hết ngày 08/9/2022, trả làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng T dụng,

các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu các bị đơn ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị T không thanh toán hết nợ, thì Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý các tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 506516/HĐTC-NH/CNKG ký ngày 28 tháng 6 năm 2016 để thu hồi hết số nợ còn lại theo thỏa thuận trong hợp đồng T dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị T phải chịu 6.953.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ (S) số tiền tạm ứng án phí 3.015.000 đồng theo biên lai thu số 0005457 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Đ (S) và ông Mai Văn Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU